



CÔNG TY CỔ PHẦN KISCO

11-2, 4 CHOME, NIHONBASHI HONCHO
CHUO-KU, TOKYO, JAPAN, 103-8410
Khu 11-2, 4 Chome, NIHONBASHI HONCHO,
Quận CHUO-KU, Thành phố TOKYO, NHẬT BẢN.

TEL : +81 3-3663-0364

FAX : +81 3-3661-5971

PAGE 1

COMMERCIAL INVOICE (HÓA ĐƠN THƯƠNG MẠI)

No (Số hóa đơn) : 3LTS-2026-02758
MESSRS : Synztec Vietnam Co., Ltd
Bên mua : Công ty TNHH Synztec Việt Nam

Date: 8-Sep-26
Ngày: 9/8/2026

Plot J12, Japan-Hai Phong Industrial Zone, Hong An Ward,
Hai Phong City, Viet Nam
Lô đất J12, khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Phường Hồng An,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

On or about: Sep 10, 2026
Dự kiến giao hàng: 10/09/2026

Tel (SĐT) : 84 - 225- 3743292
Fax: 84 - 225- 3743338

Payment : 30-Oct-26
Thanh toán : 30-Oct

From : GOODS FOR SYNZ AT HTM BWH
Từ : Kho ngoại quan HTM
To : Plot J12, Japan-Hai Phong Industrial Zone, Hong An Ward, Hai Phong City, Viet Nam
Đến : Lô đất J12, khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Phường Hồng An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Trade Term:		FCA HTM							
NO.	PART NO.	PO No.	ORIGIN	Q'TY	UNIT PRICE	AMOUNT			
(STT)		Số PO.	Xuất xứ	(Số lượng)	(Đơn giá)	(Tổng tiền)			
1	MHI Black # 5743M	M00097-00	PVN0015985	JAPAN	150.00 KGS	USD	75.55	USD	11,332.50
2	MHI Black # 5743M	M00097-00	PVN0015985	JAPAN	60.00 KGS	USD	74.49	USD	4,469.40
3	Sunecon KR303H	C00053-01	PVN0015985	JAPAN	600.00 KGS	USD	3.94	USD	2,364.00
4	Sunecon KR303H	C00053-01	PVN0015985	JAPAN	600.00 KGS	USD	3.90	USD	2,340.00
5	Sunecon KR303H	C00053-01	PVN0015985	JAPAN	200.00 KGS	USD	3.92	USD	784.00
6	MEK	M00580-02	PVN0016001	JAPAN	495.00 KGS	USD	3.49	USD	1,727.55
7	MEK	M00580-02	PVN0016001	JAPAN	660.00 KGS	USD	3.51	USD	2,316.60
8	CHEMLOK600	M00652-00	PVN0016071	JAPAN	16.00 KGS	USD	15.01	USD	240.16
9	Apo lease	M00289-00	PVN0016104	JAPAN	72.00 KGS	USD	9.03	USD	650.16
TOTAL			2,853.00 KGS		USD		26,224.37		
Tổng									

COUNTRY OF ORIGIN: JAPAN
Xuất xứ: Nhật Bản

KISCO LTD.


LEGAL AFFAIRS DEPT.



QUẢN LÝ XUẤT NHẬP KHẨU
Nguyễn Thùy Lan